

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Q
THÀNH PHỐ HÀ NỘI
Bản án số: 83/2022/HS-ST
Ngày: 13/12/2022

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Q, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đào Thị Thúy

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Tạ Văn Thắng

Ông Nguyễn Văn Đức

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huyền Lê – Thư ký Toà án nhân dân huyện Q.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Q tham gia phiên tòa: Bà Vi Thị Ngọc Kim - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Q, thành phố Hà Nội, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 78/2022/TLST - HS ngày 19 tháng 10 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 85/2022/QĐXXST-HS ngày 02 tháng 12 năm 2022 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Trần Thị T**, sinh năm **1977** tại Hà Nội; Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Xóm 5, thôn 2, xã T T, huyện Q, Thành phố Hà Nội; Nghề nghiệp: không; Trình độ học vấn: 5/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không Con ông: Trần Văn V (đã chết) và bà: Nguyễn Thị Th; Chồng: Nguyễn Mạnh Tr và có 02 con: con lớn sinh năm 1998, con nhỏ sinh năm 2003; Tiền án, tiền sự: không; Bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam, đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

- Bị hại: Anh Nguyễn Đức T1, sinh năm 1978. Địa chỉ: Số 6, phố Ngô Gia Tự, phường Quang Trung, quận HĐ, Thành phố Hà Nội. Có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Mạnh Tr, sinh năm 1974. Địa chỉ: Xóm 5, thôn 2, xã T T, huyện Q, Thành phố Hà Nội. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các T1 liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 18/3/2011 ông Nguyễn Mạnh Tr và vợ là Trần Thị T có vay số tiền 200.000.000đ của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam và đã thế chấp thửa đất số 279 tờ bản đồ số 02 diện tích 82,4m² tại xã T T, huyện Q, Thành phố Hà Nội cho Ngân hàng. Do vợ chồng ông Tr không tiếp tục trả nợ nên Ngân hàng TMCP công thương Việt Nam đã khởi kiện đến TAND huyện Q về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng. Ngày 17/9/2014 TAND huyện Q đã ra quyết định công nhận sự thỏa Tận của các đương sự số 52/2014/QĐST-DS, công nhận về việc tính đến ngày 10/8/2014 vợ chồng ông Tr còn nợ Ngân hàng TMCP công thương Việt Nam 154.526.906đ cả nợ gốc và nợ lãi, nếu vợ chồng ông Tr không trả nợ hoặc trả không đủ số nợ thì Ngân hàng TMCP công thương Việt Nam có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý T1 sản đảm bảo nêu trên để T hồi nợ.

Tuy nhiên, sau đó vợ chồng ông Tr vẫn không thực hiện nghĩa vụ của mình theo Quyết định số 52/2014/QĐST-DS ngày 17/9/2014 nên ngày 19/6/2015 Chi cục thi hành án dân sự (THADS) huyện Q ra quyết định thi hành án theo đơn yêu cầu số 135/QĐ-CCTHA. Ngày 30/5/2019 Chi cục THADS huyện Q làm hợp đồng dịch vụ đấu giá T1 sản với Công ty TNHH bán đấu giá T1 sản Hoàng Phương về việc bán đấu giá thửa đất số 279, tờ bản đồ số 02 diện tích 82,4m² tại xóm 5, thôn 2, xã T T, huyện Q, Hà Nội. Ngày 23/8/2019 Công ty TNHH bán đấu giá T1 sản Hoàng Phương tổ chức bán đấu giá T1 sản trên. Kết quả anh Nguyễn Đức T1, sinh năm 1978; HKTT: số 6, phố Ngô Gia Tự, phường Quang Trung, quận HĐ, Hà Nội là người trúng đấu giá. Sau khi làm các thủ tục theo quy định, anh T1 đã được Văn phòng đăng ký QSDĐ huyện Q thực hiện sang tên tại trang 4 của Giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất số 0201 ngày 02/9/2004. Do gia đình ông Tr không tự nguyện thi hành án, bàn giao T1 sản nên ngày 13/3/2020 Chi cục THADS huyện Q đã ra Quyết định cưỡng chế giao quyền sử dụng đất và T1 sản gắn liền trên đất đối với gia đình ông Nguyễn Mạnh Tr. Ngày 17/9/2019 Chi cục THADS huyện Q ra Quyết định số 72/QĐ-CCTHADS về việc giao T1 sản cho người mua được T1 sản bán đấu giá là anh Nguyễn Đức T1. Đến ngày 02/7/2020, anh T1 được Chi cục THADS huyện Q bàn giao T1 sản trúng đấu giá là thửa đất số 279 tờ bản đồ số 02 (nay là thửa 411, TĐĐ số 12) diện tích 82,4m² và T1 sản gắn liền trên đất là : 01 nhà 02 tầng kết cấu bê tông cốt thép, diện tích sàn xây dựng 40m²; 01 nhà 01 tầng kết cấu bê tông cốt thép diện tích 12 m²; Mái che tôn có diện tích 14 m² và diện tích còn lại là sân... .

Sau khi nhận T1 sản, do chưa có nhu cầu sử dụng nên anh T1 đã mua 02 chiếc khóa để khóa cửa nhà ở và cửa cổng lại rồi đi về. Sau một thời gian anh T1 đến để kiểm tra T1 sản thì phát hiện cửa cổng đã bị mở, có Trần Thị T đang sinh sống tại thửa đất trên. Anh T1 yêu cầu T ra khỏi nhà ở của mình nhưng T không đi mà tiếp tục sinh sống tại thửa đất nên anh T1 đã làm đơn tố giác tội phạm đến Cơ quan Công an đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật. Cơ quan điều

tra huyện Q đã phối hợp với chính quyền địa phương đến xác minh, kiểm tra thửa đất và nhiều lần vận động, yêu cầu Trần Thị T ra khỏi nhà để trả lại nhà đất cho anh Nguyễn Đức T1 nhưng T không chấp hành.

Ngày 10/8/2022 Cơ quan điều tra đã ra Quyết định khởi tố vụ án hình sự, khởi tố bị cáo đối với Trần Thị T về tội xâm phạm chỗ ở của người khác. Ngày 12/9/2022 T đã tự nguyện trả lại nhà, đất cho anh Nguyễn Đức T1. Anh T1 không có yêu cầu gì về bồi thường dân sự và có đơn xin giảm trách nhiệm hình sự đối với bị cáo.

Quá trình điều tra vụ án bị cáo Trần Thị T đã khai nhận hành vi phạm tội của mình, phù hợp với lời khai người bị hại, người liên quan và các T1 liệu, chứng cứ khác đã T thập được.

Bản cáo trạng số 70/CT – VKSQO ngày 17 tháng 10 năm 2022, Viện kiểm sát nhân dân huyện Q đã truy tố bị cáo Trần Thị T về tội “Xâm phạm chỗ ở của người khác” theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 158 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa:

- Bị cáo thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã khai tại tại cơ quan điều tra và nội dung bản cáo trạng. Bị cáo biết việc Chi cục thi hành án dân sự huyện Q thực hiện việc xử lý T1 sản thế chấp nên trước đó đã tự nguyện chuyển đồ đạc ra khỏi T1 sản thế chấp để Chi cục thi hành án dân sự huyện Q bàn giao T1 sản cho người trúng đấu giá. Tuy nhiên, do vẫn chưa T xếp được chỗ ở nên đã tự ý dọn đồ đạc vào lại nhà đất này và sinh sống tại đây.

- Bị hại anh Nguyễn Đức T1 trình bày: Hiện nay bị cáo đã giao trả lại T1 sản cho anh nên anh không có yêu cầu gì về dân sự và xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Mạnh Tr trình bày: Ông có biết việc cơ quan có thẩm quyền thực hiện quy trình xử lý T1 sản mà vợ chồng ông đã thế chấp cho Ngân hàng TMCP công thương Việt Nam. Bản thân ông thường xuyên đi làm xa nhà nên khi vợ ông dọn đồ đạc vào ở lại trên T1 sản thế chấp thì ông không biết. Sau này, thỉnh thoảng ông có đến thăm vợ một lúc rồi đi chứ không ở lại đó cùng vợ.

- Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Trần Thị T phạm tội Xâm phạm chỗ ở của người khác. Đề nghị:

Áp dụng điểm d khoản 1 Điều 158; Điều 38; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự xử phạt Trần Thị T từ 12 tháng đến 15 tháng tù nhưng cho hưởng án treo hạn thử thách từ 24 tháng đến 30 tháng kể từ ngày tuyên án. Không áp dụng hình phạt bổ sung.

Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Nói lời sau cùng trước khi Hội đồng xét xử nghị án: Bị cáo rất ân hận về hành vi của mình, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các T1 liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra – Công an huyện Q, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Q, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã khai báo và không có ý kiến hay khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Xét lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra cùng các T1 liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Do ông Nguyễn Mạnh Tr và vợ là bị cáo Trần Thị T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo Quyết định công nhận sự thỏa Tận của các đương sự số 52/2014/QĐST-DS ngày 17/9/2014 của Tòa án nhân dân huyện Q nên Chi cục thi hành án dân sự huyện Q đã thực hiện việc xử lý T1 sản bảo đảm là thửa đất số 279 tờ bản đồ số 02 (nay là thửa số 411 tờ bản đồ số 12) diện tích 82,4m² và T1 sản gắn liền trên đất ở địa chỉ xã T T, huyện Q, Thành phố Hà Nội, theo đơn yêu cầu của Ngân hàng TMCP công thương Việt Nam. Anh Nguyễn Đức T1 là người trúng đấu giá. Sau khi làm các thủ tục theo quy định, anh T1 đã được bàn giao T1 sản và Văn phòng đăng ký QSDĐ huyện Q đã thực hiện việc sang tên quyền sử dụng đất cho anh. Sau khi nhận bàn giao T1 sản, do chưa có nhu cầu sử dụng nên anh T1 đã khóa cửa nhà và khóa cổng. Sau một thời gian anh T1 phát hiện cửa cổng đã bị mở, kiểm tra thì thấy có bị cáo Trần Thị T đang sinh sống tại thửa đất trên. Anh T1 yêu cầu bị cáo ra khỏi nhà ở của mình nhưng T không chấp hành mà tiếp tục sinh sống tại thửa đất. Quá trình điều tra xác minh Cơ quan điều tra đã phối hợp với chính quyền địa phương đến kiểm tra thửa đất và cũng nhiều lần vận động, yêu cầu Trần Thị T ra khỏi nhà để trả lại nhà, đất cho anh Nguyễn Đức T1 nhưng T không chấp hành.

Hành vi nêu trên của Trần Thị T đủ yếu tố cấu thành tội Xâm phạm chỗ ở của người khác quy định tại điểm d khoản 1 Điều 158 Bộ luật Hình sự. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Q truy tố bị cáo là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3]. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền bất khả xâm phạm về chỗ ở được pháp luật bảo vệ. Thửa đất số 279 tờ

bản đồ số 02 (nay là thửa số 411 tờ bản đồ số 12) diện tích 82,4m² và T1 sản gắn liền trên đất ở địa chỉ xã T T, huyện Q, Thành phố Hà Nội đã được bị cáo và chồng là Nguyễn Mạnh Tr thế chấp tại Ngân hàng TMCP công thương Việt Nam. Bị cáo và chồng không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng nên T1 sản thế chấp được bán đấu giá theo quy định và đã bàn giao cho chủ sở hữu hợp pháp là anh T1 (người trúng đấu giá). Anh T1 đã khóa cổng, khóa cửa nhưng bị cáo đã tự ý phá khóa, dọn đồ đạc vào nhà tiếp tục sinh sống trên thửa đất, bất chấp việc chủ sở hữu hợp pháp đến khuyên nhủ, yêu cầu chuyển đồ đạc ra ngoài, trả lại nhà đất. Vì vậy, cần thiết phải áp dụng mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội mới đủ tác dụng giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

[4]. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Chưa có tiền án tiền sự, phạm tội lần đầu và Tộc trường hợp ít nghiêm trọng; Hiện bị cáo đã trả lại nhà đất cho anh T1 và anh T1 có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đây là những tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại các điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Do bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, không có tình tiết tăng nặng, đủ điều kiện được hưởng án treo theo hướng dẫn tại Điều 2 Nghị quyết số 02/2018/NQ – HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao quy định về Điều kiện cho người bị kết án phạt tù được hưởng án treo và quy định tại Điều 65 của Bộ luật hình sự. Điều đó thể hiện chính sách nhân đạo của Nhà nước, giúp các bị cáo yên tâm cải tạo, trở thành người có ích cho gia đình và xã hội.

Đối với hành vi của Nguyễn Mạnh Tr và chị Nguyễn Thị Hà (con của bị cáo) chỉ thỉnh thoảng có đến thửa đất số 279, tờ bản đồ số 02 tại xóm 5, thôn 2 xã T T, huyện Q, Thành phố Hà Nội nhưng mục đích đến chơi với bị cáo, không ở lại sinh sống cùng bị cáo. Xét thấy hành vi của ông Tr và chị Hà chưa đến mức phải xử lý hình sự nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý là có căn cứ.

[5]. Về trách nhiệm dân sự: Anh T1 không có yêu cầu gì về dân sự nên không xem xét.

[6]. Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7]. Về quyền kháng cáo: Bị cáo và những người tham gia tố tụng khác có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Trần Thị T phạm tội Xâm phạm chỗ ở của người khác.

Căn cứ: điểm d khoản 1 Điều 158; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự; Điều 2 Nghị quyết số 02/2018/NQ – HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao quy định về Điều kiện cho người bị kết án phạt tù được hưởng án treo.

Xử phạt bị cáo Trần Thị T 12 (Mười hai) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 24 (Hai mươi bốn) tháng kể từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo Trần Thị T về Ủy ban nhân dân xã T T, huyện Q, Thành phố Hà Nội để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ từ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về chế độ án phí, lệ phí Tòa án.

Bị cáo phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng Hình sự.

Bị cáo, bị hại được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án về những vấn đề trực tiếp liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND TP Hà Nội;
- Công an huyện Q;
- VKSND huyện Q;
- Chi cục THADS H.Q;
- UBND xã T T (H.Q, Hà Nội);
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án; VPTA;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đào Thị Thúy

